

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CKT1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230671009-801 - To ãn cao c p H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3572010978	35CKT1	Nguy n Ng c Quanh Anh	30/11/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	7.5	5.3	6.9	
2	3572011502	35CKT2	Nguy n Th Ph ng Anh	12/06/1993				6.0	4.5		5.3	1.6	0.0	0.0	1.6	
3	3572011013	35CKT1	ñ Nguy n H u Ân	07/04/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
4	3476040003	34CVT1	Ngô Duy B o	24/11/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
5	3572050087	35CTN2	Nguy n Ng c B o	03/10/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	8.5	6.0	7.8	
6	3572050522	35CTN3	Chu Vñ Công	10/02/1992				5.5	4.5		5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
7	3572030919	35CVT1	Nguy n Huuñh Di n	17/07/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	2.5	1.8	3.4	
8	3572041669	35CQT1	Nguy n ã ãnh Di n	05/06/1993				6.5	6.0		6.3	1.9	2.5	1.8	3.6	
9	3572050872	35CTN1	L ² Th D p	20/02/1993				7.5	10.0		8.8	2.6	8.5	6.0	8.6	
10	3572050159	35CTN2	ñ Ng c Duy	10/03/1993				4.5	2.5		3.5	1.1	8.3	5.8	6.9	
11	3572051734	35CTN3	Nguy n M nh Dñg	25/02/1993				5.5	6.5		6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
12	3572040983	35CQT1	Phan Th ã p	14/09/1992				7.5	7.0		7.3	2.2	4.0	2.8	5.0	
13	3472010130	34CKT1	Nguy n Th Ng c Giàu	09/01/1992				5.5	3.0		4.3	1.3	7.0	4.9	6.2	
14	3472010028	34CKT1	Nguy n Th H ng Hà	27/07/1991				5.5	4.0		4.8	1.4	4.0	2.8	4.2	
15	3572050559	35CTN3	V½H ng Hà	07/05/1993				8.5	9.5		9.0	2.7	7.5	5.3	8.0	
16	3572050894	35CTN2	Nguy n Ng c Di m Hân	02/03/1993				6.5	5.3		5.9	1.8	6.0	4.2	6.0	
17	3572040938	35CQT1	Nguy n Anh H u	01/03/1993				4.0	3.3		3.7	1.1	3.5	2.5	3.5	
18	3572010638	35CKT2	VHThu Hi n	03/10/1993				6.5	8.5		7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
19	3477010039	34CTN2	ñ Xu ^a n Hoàng	03/02/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	8.5	6.0	7.6	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230671009-801 - To ầ n cao c p H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3572030432	35CVT1	Hu ầ nh	Ho ầ ng	20/10/1993				6.0	6.5		6.3	1.9	5.5	3.9	5.7	
21	3572051378	35CTN3	Tr n Vi t	Ho ầ ng	02/10/1993				3.5	8.5		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
22	3572050671	35CTN3	Võ Thái	Ho ầ ng	29/10/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
23	3572031434	35CVT1	Nguy n H u	H n	23/12/1992				6.5	6.5		6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	
24	3572050943	35CTN2	Mai Th ầ i	H p	07/01/1994				6.5	7.0		6.8	2.0	6.0	4.2	6.2	
25	3572011452	35CKT2	Võ Tùng	H p	30/04/1993				5.0	4.0		4.5	1.4	5.0	3.5	4.9	
26	3572050455	35CTN3	Tr ầ ng Th Ng c	Hu	05/10/1993				7.5	5.5		6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
27	3572040171	35CQT2	Nguy n H u ấ c	Huy	09/11/1991				4.0	6.5		5.3	1.6	7.0	4.9	6.5	
28	3572010930	35CKT2	Nguy n Thanh	Huy	30/09/1993				7.0	5.5		6.3	1.9	4.0	2.8	4.7	
29	3572050878	35CTN1	Nguy n Th H ầ ng	Huy n	19/10/1993				6.5	9.5		8.0	2.4	8.5	6.0	8.4	
30	3572050380	35CTN2	Nguy n Th Ng c	Ki u	25/12/1993				4.5	5.0		4.8	1.4	4.0	2.8	4.2	
31	3572051223	35CTN3	V ½ Th Kim	Ki u	12/01/1993				5.5	7.5		6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
32	3572031580	35CVT1	H Trung	Khang	20/06/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
33	3572010285	35CKT2	Nguy n Th Ng c	Kh ầ nh	24/07/1993				6.5	9.0		7.8	2.3	7.5	5.3	7.6	
34	3572050778	35CTN1	Phan Th	L ầ nh	21/06/1993				4.5	8.0		6.3	1.9	8.0	5.6	7.5	
35	3477010054	34CTN1	L ² Th M	L	26/11/1992				7.5	8.5		8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
36	3476040020	34CVT1	H ầ Ng c Ph ầ ng	Loan	06/12/1991				5.0	7.5		6.3	1.9	5.3	3.7	5.6	
37	3572051547	35CTN3	Nguy n Th ầ nh	Long	00/00/1992				6.0	9.0		7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
38	3572040998	35CQT1	Võ Duy	Long	29/08/1993				4.0	6.5		5.3	1.6	7.0	4.9	6.5	

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CKT1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230671009-801 - To ãn cao c p H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3573011527	35CTH1	VHĐu n Long	07/02/1992				5.0	5.0		5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
40	3572051574	35CTN3	Tr ã ng Qu c L ã ng	12/04/1992				6.5	9.0		7.8	2.3	7.3	5.1	7.4	
41	3472040032	34CQT1	ñ ã ng V ã ã Lý	30/03/1992				6.5	8.0		7.3	2.2	1.0	0.7	2.9	
42	3572051322	35CTN3	Tr ã nh Th M ã n	22/09/1991				6.5	7.0		6.8	2.0	6.8	4.8	6.8	
43	3572051570	35CTN3	L ² Th Di ã m Mi	04/06/1993				6.5	8.0		7.3	2.2	5.0	3.5	5.7	
44	3477010068	34CTN3	Tr ã n Quang Minh	28/08/1992				6.5	7.5		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
45	3572011506	35CKT1	Tr ã n Th X' Mu i	08/10/1993				6.0	9.5		7.8	2.3	7.5	5.3	7.6	
46	3572031592	35CVT1	Nguy ã n Tr ã n Thanh Nam	12/09/1993				5.5	8.5		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
47	3572030118	35CVT1	ñ Th M N	28/04/1993				6.5	8.0		7.3	2.2	5.5	3.9	6.0	
48	3572011238	35CKT1	V ã ã Th Nga	28/11/1992				5.5	8.0		6.8	2.0	4.5	3.2	5.2	
49	3572010382	35CKT1	Mai Th Tuy t Ngã n	16/07/1993				6.5	7.5		7.0	2.1	5.8	4.1	6.2	
50	3572011011	35CKT1	Nguy ã n Th H ã ng Ng c	10/12/1993				6.5	9.5		8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
51	3572041835	35CQT1	Tr ã n Th B'ch Ng c	17/05/1993				5.5	6.0		5.8	1.7	4.5	3.2	4.9	
52	3572030676	35CVT1	Hoàng Công Nguyễn	20/10/1993				7.5	9.5		8.5	2.6	4.8	3.4	5.9	
53	3572050582	35CTN3	ñ ã ng Th Y ã n Nhi	19/11/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	5.5	3.9	6.4	
54	3572051612	35CTN3	Trang Th Quã nh Nhi	22/11/1992				7.5	10.0		8.8	2.6	7.5	5.3	7.9	
55	3572010950	35CKT1	Nguy ã n Th Quã nh Nh	21/10/1992				6.5	9.0		7.8	2.3	6.0	4.2	6.5	
56	3572011597	35CKT1	Tr ã n Quã nh Nh	24/04/1993				4.5	3.5		4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
57	3573011029	35CTH1	Nguy ã n Qu c Nh t	23/02/1993				5.5	7.5		6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230671009-801 - T ấ n cao c p H c km : HK03

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3572051718	35CTN2	Ph m Th B ấ ch	Ph ấ ng	27/09/1993				5.5	9.5		7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
59	3476040027	34CVT1	VH ấ n	Quang	29/07/1992				5.0	4.0		4.5	1.4	4.0	2.8	4.2	
60	3572050890	35CTN1	Lê Nghi	Quân	21/09/1993				3.5	6.0		4.8	1.4	8.0	5.6	7.0	
61	3572051730	35CTN1	Huỳnh Ph ấ ng	Quỳnh	20/08/1993				4.5	9.5		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
62	3572031595	35CVT1	V ấ Th Nh	Quỳnh	24/01/1993				7.0	4.5		5.8	1.7	5.5	3.9	5.6	
63	3573010175	35CTH1	Lê Công	Quý	28/06/1993				6.5	6.0		6.3	1.9	6.0	4.2	6.1	
64	3572030102	35CVT1	L ấ V ấ O	Sinh	10/02/1993				6.5	5.5		6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
65	3573011196	35CTH1	T H ấ u	S n	29/12/1992				6.5	4.0		5.3	1.6	6.5	4.6	6.1	
66	3573010100	35CTH1	T Thanh	Tân	30/01/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	6.0	4.2	6.5	
67	3572050836	35CTN1	Tr n Tri ấ u	Tiên	14/12/1992				9.0	9.5		9.3	2.8	9.0	6.3	9.1	
68	3572051531	35CTN3	Ng ấ Tr n Tr ấ ng	Tín	19/01/1993				10.0	10.0		10.0	3.0	9.0	6.3	9.3	
69	3476040047	34CVT1	Nguy n Th ấ nh	Tuân	28/02/1990				7.5	7.0		7.3	2.2	3.5	2.5	4.6	
70	3572040957	35CQT1	Nguy n ấ c	Tu n	25/08/1993				8.0	8.5		8.3	2.5	4.0	2.8	5.3	
71	3572051498	35CTN3	Nguy n Th	T	16/09/1993				9.5	7.5		8.5	2.6	6.5	4.6	7.1	
72	3572031537	35CVT1	Nguy n Ng c	T i	17/06/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
73	3472010098	34CKT1	Huỳnh Th Ph ấ ng	Th o	03/01/1991				6.5	6.0		6.3	1.9	7.0	4.9	6.8	
74	3572050060	35CTN2	Lê Thanh	Th o	13/06/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
75	3572040995	35CQT1	Nguy n L ấ S ấ	Thám	27/07/1993				10.0	7.5		8.8	2.6	7.0	4.9	7.5	
76	3477010126	34CTN1	L ấ T ấ Ph c	Th	06/06/1992				9.0	7.5		8.3	2.5	6.0	4.2	6.7	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230671009-801 - T ấ n cao c p H c km : HK03

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3572031822	35CVT1	Tr n Ng c	Th	06/01/1992				4.0	4.5		4.3	1.3	3.5	2.5	3.7	
78	3572030117	35CVT1	V ồ Kha Ho ầ ng	Th ồ ng	30/10/1993				6.5	4.0		5.3	1.6	5.0	3.5	5.1	
79	3572010929	35CKT2	Nguy n Th	Thu	09/01/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
80	3572011830	35CKT1	TH ấ M TH NH	THUY T	18/05/1990				10.0	8.0		9.0	2.7	3.0	2.1	4.8	
81	3476040041	34CVT1	L ồ Quang	Th	04/04/1991				7.0	3.0		5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
82	3572051693	35CTN3	Tr ng Th ấ ầ	Trang	01/09/1992				6.0	6.0		6.0	1.8	5.8	4.1	5.9	
83	3572050896	35CTN2	ấ ng Th Ng c	Tr ấ n	01/03/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
84	3572050562	35CTN3	L 2 Th Tuy t	Trinh	15/03/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	
85	3572051645	35CTN3	Phan L 2 M	Trúc	08/05/1993				8.0	8.5		8.3	2.5	7.0	4.9	7.4	
86	3572051218	35CTN3	H ầ Th	V ồ	30/05/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	
87	3476040054	34CVT1	Ph m V ấ	V	22/10/1992				2.5	5.0		3.8	1.1	2.0	1.4	2.5	
88	3572050694	35CTN1	Nguy n Ho ầ ng	V ồ	19/06/1993				9.0	9.0		9.0	2.7	6.0	4.2	6.9	

T ng s : 88 h c sinh sinh v ấ n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi ồ V ấ n B M ầ n Gi ồ V Khoa